

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 19 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Huế.

Ông Nguyễn Trung Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thiết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thùy Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS, ngày 28 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Hầu Văn C (**tên gọi khác Anh C**), sinh ngày 07 tháng 7 năm 1981 tại xã ĐT, huyện TN, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: xóm CC, xã ĐT, huyện TN, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hầu Văn S, sinh năm 1963 và bà Lầu Thị V (đã chết); Vợ: Sùng Thị M, sinh năm 1983; con: 05 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2013. Gia đình bị cáo có 07 anh em, bị cáo là con cả; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Hầu Văn X, sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: xóm CC, xã ĐT, huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

- Người làm chứng:

+ Bà Dương Thị M, sinh năm 1970. Có mặt.

+ Bà Vương Thị M, sinh năm 1962. Có mặt.

Đều có địa chỉ: xóm CC, xã ĐT, huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

Người phiên dịch tiếng Mông: Bà Triệu Thị L. Có mặt.

Nơi công tác: Phòng kinh tế - Hạ tầng huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 10/12/2018 ông Hầu Văn X cùng với vợ mình là Dương Thị M sau khi đi ăn cơm, uống rượu say mừng nhà mới ở xóm bên cạnh thì về nhà bằng xe máy. Trên đường về do đường khó đi nên bà M xuống xe đi bộ, còn ông X một mình đi xe về trước, đến đoạn đường nhà bà Vương Thị M ông X thấy có 02 cây cọc cắm ở hai bên lề đường, ông X dừng xe, chống chân chống dựng xe nhưng vẫn để xe nổ máy, bật đèn và chửi bà Vương Thị M. Nghe thấy tiếng chửi của ông X bà M nói lại là không phải bà cắm cọc mà là C đã cắm cọc. C trước đó cũng đã uống rượu say đang ngủ, nghe thấy tiếng ông X chửi bà M, C đã dậy, ra khỏi nhà cầm theo 01 con dao quắm đi đến chỗ ông X và nói với ông X là “Hai cọc này là do tao cắm không phải bà M cắm, chú biết qua thì cứ qua, không biết qua thì chết”, lúc này C đã đứng trước đầu xe của ông X, ông X nói với C “Mày cắm cọc ở đây không cho tao đi qua à, mày giỏi lắm à”. Ông X vừa nói dứt lời thì Cường cầm dao chém một phát từ trên xuống dưới, từ phải sang trái bằng tay phải về phía ông X, ông X đã nhanh chóng né sang trái và dùng tay phải đỡ phát chém của bị cáo C, lưỡi dao của bị cáo C đã chém đúng vào lòng bàn tay phải của ông X, vết thương từ lòng bàn tay đến mu bàn tay qua kẽ, giữa ngón cái và ngón trỏ. Bị chém, ông X dùng tay trái đẩy vào vai C, C lùi lại vài bước, ông X dùng tay phải nhổ được 01 cây cọc cắm ở lề đường nhưng không thể cầm cọc lên được do tay bị đau, chảy nhiều máu, rồi ông X tay trái cầm ôm tay phải lùi về phía trên, ngồi xuống lề đường bên phải theo hướng đi và kêu cứu. Lúc này vợ ông X là bà Dương Thị M đến đã đưa ông X đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa huyện TN. Quá trình điều tra, bị cáo C tự nguyện dao nộp 01 con dao quắm và 02 cây cọc.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 118/18/TgT ngày 20/12/2018 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh Cao Bằng kết luận: “*Sẹo vết thương bàn tay phải, kích thước lớn 10%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây hiện tại là 10%*”.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSTN ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đã truy tố bị cáo Hầu Văn C về tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đã truy tố. Bị hại X xác định đúng bị cáo C là người đã gây thương tích cho ông và yêu cầu bị cáo C phải bồi thường với tổng số tiền là 7.600.000 đồng. Bị cáo C nhất trí bồi thường cho ông X số tiền trên.

Người làm chứng Vương Thị M không trực tiếp thấy C gây thương tích cho ông X nhưng nghe thấy toàn bộ cuộc cãi nhau, xô sát gây thương tích của bị cáo C và ông X đồng thời xác định đúng bị cáo C là người gây thương tích cho ông X. Bà Dương Thị M là vợ ông X khi đến nơi thấy chồng mình bị thương ở bàn tay, C ở gần đuôi xe máy, dùng dao quắm đâm ngò, thấy ông X tay chảy nhiều máu đã gọi Công an xóm đến làm việc, sau đó bà đã đưa ông X đi cấp cứu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo C phạm tội “Cố ý

gây thương tích”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Hầu Văn C mức án 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo với người bị hại với tổng số tiền là 7.600.000 đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm và 02 cây cọc.

Phản tranh luận, bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát; trong lời sau cùng: Bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ, ngày 10/12/2018, tại đoạn đường cạnh nhà bà Vương Thị M, xóm CC, xã ĐT, huyện TN bị cáo Cường đã dùng 01 con dao quắm chiều dài 43 cm, chiều rộng 3,8 cm chém về phía bị hại một phát từ trên xuống dưới, từ phải sang trái bằng tay phải trúng vào lòng bàn tay phải của bị hại, làm cho bị hại bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10%. Trước đó, cả bị cáo C và bị hại X đã say rượu và cãi nhau về việc bị cáo C đã cấm 02 cây cọc cắm ở hai bên lề đường đi mà ông X cho rằng làm cho ông X đi lại khó khăn. Giả sử bị cáo có thực hiện hành vi trong tình trạng say rượu thì bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 13 của Bộ luật Hình sự; Dù tỷ lệ tổn thương cơ thể do bị cáo gây ra dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo đã dùng dao quắm là hung khí nguy hiểm để thực hiện hành vi thì hành vi cố ý gây thương tích cho người khác của bị cáo đã phạm vào tội *Cố ý gây thương tích* theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Đây là vụ án không có đồng phạm, do một mình bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây mất an ninh trật tự địa phương nên cần phải xử phạt nghiêm bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo sinh ra trong gia đình nông nghiệp, được gia đình nuôi ăn học đến lớp 5 thì bỏ học, sinh sống bằng nghề trồng trọt. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn từ trước, hành vi của bị cáo chỉ là nhất thời, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được hưởng **02 tình tiết giảm nhẹ tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự**. Ngoài ra, tại phiên tòa bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của bị cáo, các yếu tố về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận được với nhau mức bồi thường thiệt hại với số tiền là **7.600.000 (Bảy triệu, sáu trăm nghìn) đồng**. Xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại các Điều 585, 590 của Bộ luật dân sự, cần công nhận.

[5] Về vật chứng của vụ án gồm 01 con dao quắm đã qua sử dụng dài 43 cm, rộng 3,8 cm; 02 cây cọc; Xét thấy, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6] Án phí: Cần buộc bị cáo chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh mức hình phạt cũng như các vấn đề khác là phù hợp nên cần được chấp nhận, đề nghị của bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 585, 590 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo **Hầu Văn C** (tên gọi khác **Anh C**) phạm tội "**Cố ý gây thương tích**".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hầu Văn C** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã **ĐT**, huyện **TN**, tỉnh **Cao Bằng** giám

sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người bị hại. Bị cáo Hầu Văn C có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hầu Văn X số tiền 7.600.000 (Bảy triệu, sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm đã qua sử dụng dài 43 cm, rộng 3,8 cm và 02 cây cọc, một đầu vót nhọn, một đầu chẻ làm bốn phần, có chiều dài lần lượt là 67 cm và 84 cm.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng trên đang được lưu giữ tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TN ngày 28/3/2019.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hầu Văn C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại; báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TN;
- Cơ quan điều tra Công an huyện TN;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim